

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 03-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim San

Ông Trần Đăng Khoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 216/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3979/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn XS, xã AT, huyện AL, thành phố Hải Phòng;

- *Bị đơn:* Anh Cao Quân M, sinh năm 1979, địa chỉ: 4122 Oxford S, B, B.C.V5C 1C9, Canada;

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Cao Quân M xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng từ ngày 26 tháng 12 năm 2014. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mặt khác, anh M sống ở Canada, chị H sinh sống tại Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên góp ý, hòa giải nhưng không đạt kết quả. Nay, chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt

được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho chị được ly hôn với anh M để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh M có một con chung là Cao Phú L, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hiện nay sức khỏe cháu tốt và cháu đang sinh sống cùng với anh M. Ly hôn, chị đề nghị giao con chung cho anh Cao Quân M trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị và anh M xin tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh M không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H đề nghị không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Trong đơn xin ly hôn và đơn đề nghị của bị đơn gửi về Tòa án (đã được chứng thực lãnh sự), anh Cao Quân M trình bày: Anh thông nhất với chị Nguyễn Thị H về quá trình kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không có khả năng đoàn tụ, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị H ly hôn với nhau. Về con chung, tài sản chung: Anh M cũng thống nhất và đồng ý với quan điểm của chị H về con chung, tài sản chung khi ly hôn.

Do anh M đang ở nước ngoài nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại đơn đề nghị của gia đình nguyên đơn thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh M đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Đồng thời, đề nghị giao con chung cho anh M nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị H thể hiện: Giữ nguyên quan điểm đã trình bày như trong đơn khởi kiện và bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự tại phiên tòa, xét thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Anh Cao Quân M ở nước ngoài, không có nơi cư trú, làm việc ở Việt Nam, chị H hiện đang cư trú tại thành phố Hải Phòng. Mặt khác, anh M và chị H đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; **điểm b khoản 1 Điều 39**; điểm c khoản 1 Điều 40; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc hòa giải vụ án và sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Cao Quân M đang cư trú tại Canada, chị H đề nghị không tiến hành hòa giải. Do vậy, căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Cao Quân M và chị Nguyễn Thị H đều vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng từ ngày 26 tháng 12 năm 2014, theo quy định tại Điều 8; Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng anh chị bất đồng với nhau về quan điểm sống, tính cách vợ chồng không hợp nhau. Mặt khác, anh M sống ở Canada, chị H sinh sống tại Việt Nam nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không đạt kết quả. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh M đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị ly hôn của chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh M có một con chung là Cao Phú L, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015. Hiện nay sức khỏe cháu tốt và cháu đang sinh sống cùng với anh M. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận: Anh M được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị xin tự giải quyết. Xét thấy, chị H và anh M đều có nguyện vọng để anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của anh chị không trái với quy định của pháp luật, đạo đức xã hội nên cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung cho anh M chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5]: Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M đều xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm c khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Cao Quân M.
2. Về con chung: Giao con chung Cao Phú L, sinh ngày 15 tháng 9 năm 2015 cho anh Cao Quân M nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Cao Quân M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0001512 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Cao Quân M (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Phương

